

Số: **480/2024/QĐST-HNGĐ**

Nam Từ Liêm, ngày 29 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Khoản 1, Khoản 2 Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 55; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân & Gia đình; Khoản 1, Khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình thụ lý số: 463/2024/TLST-việcHNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Anh Phạm Ngọc C; Sinh năm 1980;

2. Chị Bùi Thị Thanh H; Sinh năm 1978;

Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: P.0601/Tòa S2 (HH2), dự án V, tổ dân phố số H Đ, phường M, quận N, TP ..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Phạm Ngọc C và chị Bùi Thị Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 26/12/2009 tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Số H; *Quyển số: 01*). Quá trình chung sống, anh C và chị H phát sinh mâu thuẫn từ giữa năm 2017 đến nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hạnh phúc, không có tiếng nói chung. Hai vợ chồng đã cùng nhau đưa ra phương án giải quyết những mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Vì lý do cuộc sống vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, anh C và chị H cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án công nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn;

[2] Về con chung: Anh C và chị H có 01 con chung là: Cháu Phạm Hương G, sinh ngày 20/6/2011. Anh C và chị H thỏa thuận: Khi ly hôn, chị H được trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu G cho đến khi con tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh C và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị H tự nguyện nộp cả 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về Hôn nhân & Gia đình.

Xét thấy: Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21/10/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về hôn nhân: Anh Phạm Ngọc C và chị Bùi Thị Thanh H thuận tình ly hôn;

1.2. Về con chung: Anh C và chị H có 01 con chung là: Cháu Phạm Hương G, sinh ngày 20/6/2011. Khi ly hôn, chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu G cho đến khi con tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết;

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Anh C và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

2. Về lệ phí Tòa án: Chị H tự nguyện nộp cả 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình. Ghi nhận chị H đã nộp 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm (*Biên lai số 0027535 ngày 21/10/2024*), nay chuyển thành lệ phí. Chị H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

THẨM PHÁN

- VKSND Q.N;
- Chi cục T2.Nam
Từ Liêm;
- UBND xã T,
H.Điện Biên, T.Điện Biên;
- Lưu HS, VP.

Đỗ Thị Lệ T

Số: **437/2024/QĐST-HNGĐ**

Nam Từ Liêm, ngày 27 tháng 9 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Khoản 1, Khoản 2 Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 55; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân & Gia đình;

Căn cứ vào Khoản 1, K 3 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình thụ lý số: 400/2024/TLST-việcHNGĐ, ngày 19 tháng 9 năm 2024, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Anh Nguyễn Cảnh T1, sinh năm 1997; HKTT và ở: tiểu khu T, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La;

2. Chị Vũ Quỳnh L, sinh năm 1996; HKTT và ở: CT3-11.8 I, tổ dân phố A, phường C, quận N, thành phố Hà Nội;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Cảnh T1 và chị Vũ Quỳnh Liên kết H1 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận N, thành phố Hà Nội ngày 29/4/2021 (*Số B*). Quá trình chung sống, anh T1 và chị L phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2024, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hạnh phúc, không có tiếng nói chung. Anh T1 và chị L đã nhiều lần hòa giải và tìm giải pháp khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Vì lý do cuộc sống vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, anh T1 và chị L cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án công nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh T1 và chị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Tâm Đ, sinh ngày 29/10/2021. Anh T1 và chị L thỏa thuận: Chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T1 cấp dưỡng nuôi cháu Đ 5.000.000 đồng/tháng (*Bằng chữ: Năm triệu đồng/tháng*) kể từ tháng 9/2024 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T1 và chị L xác nhận không có tài sản chung và vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh T1 tự nguyện nộp cả 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về Hôn nhân & Gia đình.

Xét thấy: Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19/9/2024, là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Cảnh T1 và chị Vũ Quỳnh L thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh T1 và chị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Tâm Đ, sinh ngày 29/10/2021. Anh T1 và chị L thỏa thuận: Chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T1 cấp dưỡng nuôi cháu Đ 5.000.000 đồng/tháng (*Bằng chữ: Năm triệu đồng/tháng*) kể từ tháng 9/2024 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T1 và chị L xác nhận không có tài sản chung và vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh T1 tự nguyện nộp cả 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình. Ghi nhận anh T1 đã nộp 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm (*Biên lai số 0028019 ngày 19/9/2024*), nay chuyển thành lệ phí. Anh T1 đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Nam Từ Liêm;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;
- UBND phường Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội Đỗ Thị Lệ Thủy (*GCNKH Số 165/2008*)
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

